TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG SƠN
TỈNH THANH HOÁ
Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-5-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Tố Như

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nguyện

Bà Lê Hoàn Sinh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lại Thị Minh Hồng là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Sơn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn:*** Ông Lê Xuân Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023, tại Toà án nhân dân huyện Đông Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân& gia đình thụ lý số: 20/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXX-ST ngày 27 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị H1, sinh năm: 1993; Địa chỉ: Thôn CB, xã ĐH, huyện Đông Sơn, Thanh Hóa (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Lê Trọng H2, sinh năm: 1989; Địa chỉ: Thôn CB, xã ĐH, huyện Đông Sơn, Thanh Hóa (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 3 năm 2023 và trình bày của nguyên đơn chị Lê Thị H1:

- Về hôn nhân: Chị H1 và anh Lê Trọng H2 tự nguyện kết hôn với nhau, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Hòa, huyện Đông Sơn vào ngày 13/01/2016.

Quá trình sống chung vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 7 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mỗi người mỗi ý không ai nghe ai nên liên tục xảy ra va chạm, cuộc sống chung nặng nề, căng thẳng. Ngày 10/3/2023 chị H1 đưa con về bên ngoại sinh sống, vợ chồng sống ly thân, mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình, không ai quan tâm đến ai. Đến nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc và không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chị H1 làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Trọng H2.

- Về con: Chị H1 và anh H2 có 01 con chung là cháu Lê Trọng Minh Q, sinh ngày 30/11/2016. Vợ chồng ly hôn, chị H1 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Q, không yêu cầu anh H2 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, công nợ: Chị H1 và anh H2 không có tài sản chung, vợ chồng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn:

Theo bản tự khai ngày 13/4/2023 quan điểm của anh Lê Trọng H2:

- Về hôn nhân: Anh H2 thống nhất với lời trình bày của chị Hoa về thời gian và điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn vụn vặt trong cuộc sống. Đến ngày 10/3/2023 chị H1 đưa con về bên ngoại sinh sống. Nay chị H1 làm đơn xin ly hôn thì anh không đồng ý.

- Về con: Anh H2 và chị H1 có 01 con chung là cháu Lê Trọng Minh Q, sinh ngày 30/11/2016. Vợ chồng ly hôn, anh H2 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Q, không yêu cầu chị H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, công nợ: Anh H2 và chị H1 không có tài sản chung, vợ chồng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án xử cho ly hôn với bị đơn, xử cho nguyên đơn được nuôi con chung của vợ chồng, không yêu cầu bị đơn đóng góp nuôi con. Về tài sản và công nợ nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn: Không đồng ý ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung của vợ chồng, không yêu cầu nguyên đơn đóng góp nuôi con. Về tài sản và công nợ bị đơn không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn trình bày ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57; Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 177; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Các Điều 271; 273; 278 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

- *Về hôn nhân*: Xử cho chị Lê Thị H1 được ly hôn anh Lê Trọng H2 - *Về con chung:* Giao cháu Lê Trọng Minh Q, sinh ngày 30/11/2016 cho chị H1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh H2 không phải đóng góp tiền nuôi con.

- *Về án phí:* Buộc chị Lê Thị H1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Lê Thị H1 và bị đơn anh Lê Trọng H2 là: Tranh chấp về Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn. Bị đơn có địa chỉ tại thôn Chính Bình, xã Đông Hòa, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án triệu tập anh Huy đến làm việc, anh H2 đã làm bản tự khai. Tòa án đã tiến hành tống đạt trực tiếp các giấy tờ, văn bản tố tụng cho anh H2 nhưng do điều kiện công việc nên anh H2 có đơn xin từ chối tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt trong tất cả các phiên tòa. Yêu cầu xét xử vắng mặt của anh Lê Trọng H2 là tự nguyện phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về nội dung:

** Về hôn nhân:*

Chị Lê Thị H1 và anh Lê Trọng H2 kết hôn trên cơ sở hai người tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ hôn lễ theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Hòa, huyện Đông Sơn vào ngày 13/01/2016. Như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, HĐXX nhận thấy:

Quá trình chung sống cả chị H1 và anh H2 đều xác nhận: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 7 năm 2022 thì nảy sinh mâu thuẫn. Theo trình bày của chị H1 thì nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mỗi người mỗi ý không ai nghe ai nên liên tục xảy ra va chạm, cuộc sống chung nặng nề, căng thẳng nên tình cảm phai nhạt dần. Về phía anh H2 thừa nhận mâu thuẫn phát sinh do những vụn vặt trong cuộc sống. Đến ngày 10/3/2023 chị H1 đưa con về bên ngoại sinh sống. Cả chị H1 và anh H2 đều thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân tháng 7 năm 2022 không quan tâm đến nhau. Nay chị H1 xin ly hôn thì anh H2 không đồng ý nhưng cũng không thiết tha níu kéo. Như vậy chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên, HĐXX nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị H1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

** Về con:*

Chị Lê Thị H1 và anh Lê Trọng H2 đều trình bày thống nhất: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Trọng Minh Q, sinh ngày 30/11/2016. Vợ chồng ly

hôn, chị H1 và anh H2 đều có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu người không nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Về nguyện vọng nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn của chị H1 và anh H2 đều hoàn toàn chính đáng. Xét về khả năng và điều kiện để nuôi con thì thấy rằng: Hiện nay chị H1 đang làm việc tại trường mầm non xã Đông Yên có thu nhập ổn định thông qua bảng lương chị cung cấp. Còn anh H2 do đặc thù công việc nên thường xuyên làm ăn xa nhà, hơn nữa anh H2 cũng không cung cấp cho Tòa án bảng lương và mức thu nhập ổn định. Để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của con nên giao con chưa thành niên cho chị H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Cụ thể giao cháu Lê Trọng Minh Q cho chị H1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh H2 không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Hoa.

* *Về tài sản và công nợ*:

Chị Lê Thị H1 và anh Lê Trọng H2 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Lê Thị H1 là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57; Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 177; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị H1 đối với anh Lê Trọng H2.

Xử vắng mặt anh Lê Trọng H2.

- *Về hôn nhân*: Xử cho chị Lê Thị H1 được ly hôn anh Lê Trọng H2

- *Về con chung:* Giao cháu Lê Trọng Minh Q, sinh ngày 30/11/2016 cho chị H1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh H2 không phải đóng góp tiền nuôi con cùng chị Hoa.

Hai bên được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không bên nào được cản trở.

- *Về án phí:* Buộc chị Lê Thị H1 phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2022/0006159 ngày 23/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Chấp nhận đã nộp đủ.

- *Về quyền kháng cáo:* Chị Lê Thị H1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Lê Trọng H2 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án

được niêm yết tại UBND xã Đông Hòa, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSNDhuyện Đông Sơn*
- *Các đương sự.*
-*UBND xã Đông Hòa, huyện Đông Sơn.*
-*Lưu hồ sơ*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Tố Như